

Số: 177 /TTTr-UBND

Nghi Xuân, ngày 15 tháng 11 năm 2019

## TỜ TRÌNH

v/v đề nghị thông qua Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và Danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2020

Căn cứ Luật đất đai 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Phương án điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Nghi Xuân;

Thực hiện Văn bản số 3254/TNMT-QHGD ngày 28/10/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc lập Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 trình HĐND tỉnh và Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2020 cấp huyện;

Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân kính trình HĐND tỉnh thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau đây:

### 1. Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất:

Tổng số danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất 37, với tổng diện tích 90,56 ha, trong đó:

- Đất khu công nghiệp gồm 4 công trình, dự án, với diện tích 35,47 ha;
- Đất cơ sở giáo dục gồm 01 công trình, dự án, với diện tích 0,30 ha;
- Đất thể thao gồm 01 công trình, dự án, với diện tích 0,09 ha;
- Đất giao thông gồm 8 công trình, dự án, với diện tích 11,53 ha;
- Đất thủy lợi gồm 3 công trình dự án, với diện tích 4,02 ha;
- Đất năng lượng gồm 01 công trình dự án, với diện tích 0,03ha;
- Đất chợ gồm 2 công trình, dự án, với diện tích 2,10 ha;
- Đất ở tại nông thôn gồm 13 công trình, dự án, với diện tích 24,76 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan 01 công trình, dự án, với diện tích: 6,00 ha;
- Đất tôn giáo gồm 01 công trình, dự án, với diện tích: 4,00 ha;
- Đất khu di tích lịch sử văn hoá gồm 2 công trình dự án, với diện tích: 2,26 ha.



**2. Danh mục các công trình, dự án xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ:**

Tổng số danh mục các công trình, dự án cần xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ là 22 công trình với tổng diện tích 63,31ha. Trong đó: Đất trồng lúa 42,31 ha, đất rừng phòng hộ là: 21,00 ha.

Khái toán tổng kinh phí thực hiện bồi thường, GPMB là: 150,70 tỷ đồng, trong đó ngân sách Trung ương là 42,02 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 44,78 tỷ đồng, NS huyện 32,96 tỷ đồng, NS xã 5,39 tỷ đồng, do doanh nghiệp đầu tư 25,55 tỷ đồng.

**3. Hồ sơ gửi kèm tờ trình gồm:**

- Báo cáo việc thực hiện các công trình dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; NQ số 149/NQ-HĐND ngày 17/7/2019; NQ số 138/NQ-HĐND ngày 14/5/2019 và NQ số 166/NQ-HĐND ngày 20/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Biểu 01: Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất năm 2020.

- Biểu 02: Danh mục các công trình, dự án xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2020.

Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân kính trình HĐND tỉnh thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2020./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các phòng: TNMT, TC-KH, KTHT, Ban A;
- Lưu VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hải Nam



**PHỤ LỤC 1. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2020**  
**TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH**

ở trình số: **177/TT-UBND** ngày **15** tháng **11** năm **2019** của **UBND huyện Nghi Xuân**

STT	Tên công trình, dự án	Đất ở các loại đất (ha)			Địa điểm (Thôn, xã...)	Khải toán kinh phí thực hiện bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)				Căn cứ pháp lý	Chú thích			
		RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã			Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
<b>A. Công trình, dự án thu hồi đất để xuất mới trong năm 2020</b>															
I	Đất cơ sở thể dục - thể thao		0,09			0,09							0,09		
1	QH sân thể thao Hội Thành		0,09		Xã Xuân Hội	0,09							0,09	Quy hoạch nông thôn mới	
II	Đất giao thông		0,30	0,30						0,35					
1	Xây dựng tuyến đường qua khu xử lý rác thải tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân		0,30	0,30	Xã Xuân Thành	0,35				0,35				Quyết định số 2659/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh	
III	Đất thủy lợi		0,50			0,50				4,00					
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đồng Trây xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân		0,50		Xã Xuân Viên	4,00				4,00				QĐ số 1194/QĐ-UBND ngày 08/4/2011 của UBND tỉnh	
IV	Đất công trình năng lượng		0,03			0,03							0,03		
1	Xây dựng DZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã, thị trấn thuộc huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh năm 2020		0,03		TT Xuân An, Tiến Điện	0,03							0,03	QĐ số 2609/QĐ-EVNNPC ngày 29/8/2019 của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	
V	Đất ở tại nông thôn		5,03	1,34		3,69				4,98					
1	QH đất ở khu dân cư nông thôn vùng Đồng Xuân Hai thôn 7		0,90	0,90	Xã Xuân Hồng	0,90				0,90				Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500	
2	QH xen đầm dân cư thôn 3, 8		0,30		Xã Cổ Đàm	0,30				0,30				Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500	
3	QH đất ở thôn Lam Thủy		1,35		Xã Xuân Giang	1,30				1,30				Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500	
4	QH đất ở thôn An Tiên		0,15		Xã Xuân Giang	0,15				0,15				Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500	
5	QH dân cư Yên Ngư		1,00		Xã Xuân Yên	1,00				1,00				Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500	
6	QH xen đầm dân cư Yên Hải		0,19		Xã Xuân Yên	0,19				0,19				Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500	
7	QH xen đầm đất ở thôn Hội Tiên		0,44	0,44	Xã Xuân Hội	0,44				0,44				Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500	
8	QH đất ở khu vực Làng Ai thôn Ninh Hòa		0,70		Xã Xuân Phó	0,70				0,70				Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500	
12	<b>Tổng A</b>		<b>5,95</b>	<b>1,64</b>		<b>4,31</b>				<b>0,35</b>			<b>0,09</b>	<b>0,03</b>	
<b>B. Công trình, dự án thu hồi đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 nay chuyển sang thực hiện trong năm 2020</b>															
I	Đất khu công nghiệp		35,47	19,64		15,83				40,25				33,65	6,60
1	Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Gia Lạch		7,54	3,34		4,20				17,00				17,00	
			3,10	1,60		1,50									NQ119

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn, xã...)	Khả năng kinh phí thực hiện (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)				Căn cứ pháp lý	Chỉ chủ
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã		
2	Các lô đất thuộc qui hoạch khu công nghiệp Gia Lách	5,00	3,40		1,60	Xã Xuân Viên	6,20	6,20					Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 của UBND tỉnh phê duyệt qui hoạch	NQ119
3	Các lô đất thuộc qui hoạch khu công nghiệp Gia Lách	5,70 2,30	2,75 1,25		2,95 1,05	Xã Xuân Viên TT Xuân An	10,45	10,45					Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 của UBND tỉnh phê duyệt qui hoạch	NQ119
4	QH các lô đất thuộc QH khu công nghiệp Gia Lách	11,83	7,30		4,53	Xã Xuân Viên	6,60	6,60			6,60		Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 của UBND tỉnh. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch khu công nghiệp Gia Lách, huyện Nghi Xuân	NQ119
II	Đất cơ sở giáo dục- đào tạo	0,30			0,30		0,30				0,30			
I	Mở rộng Trường Mầm non Xuân An	0,30			0,30	TT Xuân An	0,30				0,30		Quy hoạch nông thôn mới	NQ119
III	Đất giao thông	11,23	3,95	3,00	4,28		15,58	8,00	4,78	2,80				
1	Nâng cấp tuyến đường liên xã An - Viên - Mỹ - Thành	4,50	0,80	3,00	0,70	Xã Xuân Viên, Xuân Mỹ, Xuân Thành, TT Xuân An	8,00	8,00						NQ119
2	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Viên - Lĩnh	0,08	0,08			Xã Xuân Lĩnh	0,08	0,08						NQ119 (đã thực hiện 1,62ha)
3	Đường giao thông liên xã Tiên Điền - Xuân Yên	0,10			0,10	Xã Xuân Yên	0,20	0,20						NQ119 (đã thực hiện 0,9ha)
4	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Hải - Yên - Thành, huyện Nghi Xuân	2,65	0,87		1,78	Xã Xuân Hải, xã Xuân Yên, xã Xuân Thành	2,00			2,00			Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 25/7/2019 của UBND tỉnh	NQ119; Tăng thêm 2,17ha
5	Xây dựng các tuyến đường nội tại của thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân	2,30	2,20		0,10	TT Xuân An	3,50	3,50					Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 của UBND tỉnh	NQ119; Tăng thêm 1,17 ha
6	Đường giao thông nối QL1A đến bãi đỗ xe dân chợ Cùi xã Xuân Hồng	0,60			0,60	Xã Xuân Hồng	0,80	0,80			0,80			NQ119
7	Nâng cấp đường từ Khu lưu niệm Nguyễn Du đến đường vào mộ Nguyễn Du	1,00			1,00	Xã Tiên Điền	1,00	1,00					Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND tỉnh	NQ149
IV	Đất thủy lợi	3,52	1,50		2,02		8,32	1,32	5,00	2,00				
1	Đê Hộĩ Thống Giai đoạn 2	0,72			0,72	Xuân Hải, Xuân Phổ	7,00	5,00	2,00	2,00				NQ119
2	QH xử lý ngập úng vùng đất SX nông nghiệp khu công nghiệp Gia Lách	1,10 1,70	0,60 0,90		0,50 0,80	TT Xuân An Xã Xuân Viên	0,60 0,72	0,60 0,72	0,60 0,72				Văn bản số 186/UBND-GT ngày 24/01/2018 của UBND tỉnh. V/v xử lý ngập úng vùng đất SX nông nghiệp tại khu công nghiệp Gia Lách	NQ119

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn, xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)				Căn cứ pháp lý	Ghi chú		
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã			Doanh nghiệp	
V	Đất chừa	2,10				2,10		11,00					11,00			
I	Mở rộng chợ Xuân An	0,10				0,10	TT Xuân An	1,00					1,00			NQ119
2	Mở rộng chợ Giang Định	2,00				2,00	TT Nghi Xuân	10,00					10,00			NQ119
VI	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	2,26	0,10			2,16		33,00	32,00	1,00						
1	QH mở rộng khu di tích LS-VH Nguyễn Công Trứ	0,36	0,10			0,26	Xã Xuân Giang	32,00	32,00							NQ119
2	QH mở rộng Khu lăng mộ Nguyễn Nghiệm	1,90				1,90	Xã Tiên Điền	1,00	0,70	1,00						NQ149
VII	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	6,00	5,00			1,00		10,00			5,00	5,00				
1	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ. Thị trấn Xuân An	6,00	5,00			1,00	TT Xuân An	10,00			5,00	5,00				NQ119
VIII	Đất ở tại nông thôn	19,73	7,25			12,48		19,88	0,70		14,18		5,00			
1	Khu dân cư NTM Song Long	4,80	2,00			2,80	Xã Cương Gián	5,00					5,00			NQ119
2	Khu dân cư nông thôn mới Trường Quý	4,88	0,35			4,53	Xã Xuân Trường	4,88			4,88					NQ149
3	Khu dân cư nông thôn mới Trung Văn	4,90	4,90				Xã Xuân Hải	4,90			4,90					NQ149
4	Dự án Khu dân cư xã Xuân Giang (Thôn Hồng Thịnh)	4,40				4,40	Xã Xuân Giang, Tiên Điền	4,40			4,40					NQ149
5	Quy hoạch tái định cư và khu dân cư dự án xây dựng Tuyến đường ven biển Xuân Hội - Thạch Khê - Vũng Áng	0,20				0,20	Thôn Trường Thành, xã Xuân Trường	0,20	0,20							
		0,30				0,30	Thôn Đại Đồng, xã Cương Gián	0,30	0,30							
		0,25				0,25	Thôn Trung Văn, xã Xuân Hải	0,20	0,20							
IX	Đất cơ sở tôn giáo	4,00				4,00		2,92					2,92			
1	Mở rộng và tôn tạo đình bà, Chùa Diên Phúc (thôn Cát Thụ)	4,00				4,00	Xã Xuân Viên	2,92					2,92			NQ119
25	Tổng B	84,61	37,44	3,00		44,17		141,25	42,02	44,43	23,98	5,30	25,52			
37	Tổng A+ B: 37 công trình	90,56	39,08	3,00		48,48		150,70	42,02	44,78	32,96	5,39	25,55			

**BIỂU 2. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020**  
**TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NGHĨ XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH**

theo tờ trình số: **177/TT-UBND** ngày **15** tháng **11** năm 2019 của **UBND huyện Nghi Xuân**



STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất			Địa điểm (Thôn, xã, xã.....)	Cơ sở pháp lý (QĐ chấp thuận chủ trương hoặc phê duyệt Dự án của cấp có thẩm quyền)	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>A. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đề xuất mới trong năm 2020</b>								
I	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	2,50	2,50	0,00	0,00			
1	Dự án xây dựng Nhà máy may ProSports Nghi Xuân tại xã Xuân Mỹ của Công ty may thể thao chuyên nghiệp Nghi Xuân	2,50	2,50			Xã Xuân Mỹ	QĐ số 3537/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND tỉnh	
II	Đất giao thông	0,30	0,30	0,00	0,00			
1	Xây dựng tuyến đường qua khu xử lý rác thải tại xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân	0,30	0,30			Xã Xuân Thành	Quyết định số 2659/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh	
III	Đất ở tại nông thôn	1,34	1,34	0,00	0,00			
1	QH đất ở khu dân cư nông thôn vùng Đông Xuân Hai thôn 7	0,90	0,90			Xã Xuân Hồng	Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500	
2	QH xen dầm đất ở thôn Hội Tiến	0,44	0,44			Xã Xuân Hội	Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500	
4	<b>Tổng A</b>	<b>4,14</b>	<b>4,14</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>			
<b>B. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 13/12/2018; Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 nay chuyển sang thực hiện trong năm 2020</b>								
I	Đất khu công nghiệp	19,64	19,64	0,00	0,00			
1	Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Gia Lách	3,34	3,34			Xã Xuân Viên	Văn bản số 95/HĐND ngày 29/3/2017 của HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư	NQ119
2	Các lô đất thuộc qui hoạch khu công nghiệp Gia Lách	1,60	1,60			TT Xuân An	QĐ số 3282/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 của UBND tỉnh phê duyệt qui hoạch	NQ119
3	Các lô đất thuộc qui hoạch khu công nghiệp Gia Lách	2,75	2,75			Xã Xuân Viên	Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 của UBND tỉnh phê duyệt qui hoạch	NQ119
4	QH các lô đất thuộc QH khu công nghiệp Gia Lách	1,25	1,25			TT Xuân An	UBND tỉnh phê duyệt qui hoạch	NQ119
II	Đất thương mại dịch vụ	7,30	7,30			Xã Xuân Viên	QĐ số 1164/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 của UBND tỉnh. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch khu công nghiệp Gia Lách, huyện Nghi Xuân	NQ119
1	Dự án Khu du lịch sinh thái biển Xuân Hội	18,20	0,20	18,00	0,00	Xã Xuân Hội	QĐ số 3424/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của UBND tỉnh	NQ149

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất			Địa điểm (Thôn....., xã.....)	Cơ sở pháp lý (QĐ chấp thuận chủ trương hoặc phê duyệt Dự án của cấp có thẩm quyền)	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2	QH cửa hàng xăng dầu và khu thương mại tổng hợp	0,20	0,20			Xã Xuân Yên	QĐ số 3041/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh	NQ149
III	Đất giao thông	6,95	3,95	3,00	0,00			
1	Nâng cấp tuyến đường liên xã An - Viên - Mỹ - Thành	3,80	0,80	3,00		Xã Xuân Viên, Xuân Mỹ, Xuân Thành, TT Xuân An		NQ119 (chuyên thêm 3ha)
2	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Viên - Lĩnh	0,08	0,08			Xã Xuân Lĩnh		NQ119 đã thực hiện 1,62ha tại Xuân Viên
3	Nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Hải - Yên - Thành, huyện Nghi Xuân	0,87	0,87			Xã Xuân Hải, xã Xuân Yên, xã Xuân Thành	QĐ số 2487/QĐ-UBND ngày 25/7/2019 của UBND tỉnh	NQ119; Tăng thêm 0,42ha
4	Xây dựng các tuyến đường nội thị của thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân	2,20	2,20			TT Xuân An	QĐ 1086/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 của UBND tỉnh	NQ119; Tăng thêm 1,25ha
IV	Đất thủy lợi	1,50	1,50	0,00	0,00			
1	QH xử lý ngập úng vùng đất SX nông nghiệp khu công nghiệp Gia Lách	0,60	0,60			TT Xuân An	Văn bản số 186/UBND-GT ngày 24/01/2018 của UBND tỉnh. V/v xử lý ngập úng vùng đất SX nông nghiệp tại khu công nghiệp Gia Lách	NQ119
V	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,10	0,10	0,00	0,00			
1	QH mở rộng khu di tích LS-VH Nguyễn Công Trứ	0,10	0,10			Xã Xuân Giang	Văn bản số 1405/UBND-QLDA ngày 23/10/2018 của UBND tỉnh. V/v xin chủ trương lập DA đầu tư Khu di tích Lịch sử-Văn hóa Nguyễn Công Trứ	NQ119,
VI	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	5,00	5,00	0,00	0,00			
1	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ Thị trấn Xuân An	5,00	5,00			TT Xuân An	QĐ số 4233/QĐ-UBND ngày 03/10/2019 của UBND huyện	NQ119
VII	Đất ở tại nông thôn	7,58	7,58	0,00	0,00			
1	Khu dân cư NIM Song Long	2,00	2,00			Xã Cương Gián	Văn bản số 6709/UBND-XD, ngày 29/10/2018 về việc đồng ý lập quy hoạch chi tiết khu dân cư thôn Song Long xã Cương Gián huyện Nghi Xuân tỷ lệ 1/500	NQ119
2	Quy hoạch đất ở nông thôn (Bàng Trung thôn Thịnh Mỹ)	0,33	0,33			Xã Xuân Mỹ		NQ119

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDB (ha)	Sử dụng từ các loại đất			Địa điểm (Thôn....., xã.....)	Căn cứ pháp lý (QĐ chấp thuận chủ trương hoặc phê duyet Dự án của cấp có thẩm quyền)	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
3	Khu dân cư nông thôn mới Trường Quý	0,35	0,35			Xã Xuân Trường	Công văn số 4007/UBND-XD ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh	NQ149
4	Khu dân cư nông thôn mới Trung Vân	4,90	4,90			Xã Xuân Hải	Công văn số 2365/UBND-XD ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh	NQ149
VIII	Đất ở tại đô thị	0,20	0,20	0,00	0,00			
I	Quy hoạch đất ở khối 8B	0,20	0,20			TT Xuân An		NQ119
18	<b>Tổng B:</b>	<b>59,17</b>	<b>38,17</b>	<b>21,00</b>	<b>0,00</b>			
22	<b>Tổng A+B</b>	<b>63,31</b>	<b>42,31</b>	<b>21,00</b>	<b>0,00</b>			





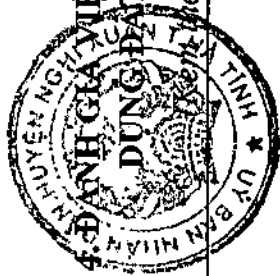
**BIỂU ĐỒ THỰC HIỆN DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÁN THU HỒI ĐẤT  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NGHĨ XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH**

Tờ trình số 47.7.../TT-UBND ngày 11/11/2020 của UBND huyện Nghi Xuân

STT	Danh mục đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Tổng danh mục công trình, dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt			Đã thực hiện			Ước thực hiện đến ngày 31/12/2019			Không thực hiện (để xuất đưa ra khỏi kế hoạch)			Chưa thực hiện (để xuất đưa vào thực hiện trong năm 2020)			Ghi chú	
		Tổng công trình	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Số công trình	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Số công trình	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Số công trình	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Số công trình	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %		
1	Tổng danh mục công trình, dự án theo NQ 119/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh	30	142,43	54,93	14	78,24							16	64,19	45,07			
2	Tổng danh mục công trình, dự án theo NQ 149/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh	8	20,57	16,97	3	3,49							5	17,08	83,03			
3	Tổng danh mục công trình, dự án theo NQ 137/NQ-HĐND ngày 14/5/2019 của HĐND tỉnh																	
4	Tổng danh mục công trình, dự án theo NQ 138/NQ-HĐND ngày 14/5/2019 của HĐND tỉnh																	
5	Tổng danh mục công trình, dự án theo NQ 166/NQ-HĐND ngày 20/8/2019 của HĐND tỉnh																	
	<b>Tổng</b>	<b>38</b>	<b>163,00</b>	<b>50,14</b>	<b>17</b>	<b>81,73</b>							<b>21</b>	<b>81,27</b>	<b>49,86</b>			

**BIỂU 4: DANH MỤC THỰC HIỆN DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH**

Theo Tờ trình số 4.77.../TT-UBND ngày 15/11/2020 của UBND huyện Nghi Xuân



STT	Danh mục đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Tổng danh mục công trình, dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt			Đã thực hiện			Ước thực hiện đến ngày 31/12/2019			Không thực hiện (đề xuất đưa ra khỏi kế hoạch)			Chưa thực hiện (đề xuất đưa vào thực hiện trong năm 2020)			Ghi chú
		Tổng công trình	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Số công trình	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Số công trình	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Số công trình	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Số công trình	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ %	
1	Tổng danh mục công trình, dự án theo NQ 119/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh	19	48,73	25,82	5	12,58							14	36,15	74,18		
2	Tổng danh mục công trình, dự án theo NQ 149/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh	5	23,85	1,68	1	0,40							4	23,45	98,32		
3	Tổng danh mục công trình, dự án theo NQ 137/NQ-HĐND ngày 14/5/2019 của HĐND tỉnh																
4	Tổng danh mục công trình, dự án theo NQ 138/NQ-HĐND ngày 14/5/2019 của HĐND tỉnh	2	10,01	100,00	2	10,01											
5	Tổng danh mục công trình, dự án theo NQ 166/NQ-HĐND ngày 20/8/2019 của HĐND tỉnh	1	4,15	100,00	1	4,15											
	<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>86,74</b>	<b>31,29</b>	<b>9</b>	<b>27,14</b>							<b>18</b>	<b>59,60</b>	<b>68,71</b>		